TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ D, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2023/DS-ST
Ngày 19 – 5 – 2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ D, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Chí Nhân

Ông Châu Hải Dương

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ D, tỉnh Cà Mau.

Ngày 19 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ D, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 208/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2023/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S G Th T; Địa chỉ trụ sở: Số 266-268, đường N K K N, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Châu Hải Đ, chức vụ: Trưởng phòng giao dịch huyện Đ D; (Văn bản ủy quyền số 3272/2022/QĐ-PL ngày 26/12/2022).

Người đại diện theo ủy quyền lại của ông Đ: Ông Lâm Minh Th, chức vụ: Chuyên viên khách hàng cá nhân - Ngân hàng Thương mại cổ phần S G Th T, phòng giao dịch huyện Đ D; (Giấy ủy quyền ngày 17/01/2023), (vắng mặt);

- Bị đơn: Bà Nguyễn Hồng Th; Sinh năm 1976; Cư trú tại: Ấp T L A, xã T T, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau, (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S G Th T (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và quá trình giải quyết vụ án – ông Lâm Minh Th trình bày:*

Ngày 29/12/2020, bà Th ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng với

Ngân hàng Sacombank tại phòng giao dịch Đ D – chi nhánh Cà Mau. Hạn mức cấp thẻ cho bà Th là 40.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, sau khi được cấp, bà Th thực hiện giao dịch trên thẻ đến ngày 17/01/2023 là 36.000.000 đồng, bà Th đã thanh toán 16.292.000 đồng. bà Th đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định việc phát hành sử dụng thẻ, Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng phía bà Th không có thiện chí thanh toán. Ngày 19/10/2022, Ngân hàng đã chấm dứt sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 17/01/2023, bà Th nợ Ngân hàng số tiền 41.010.831 đồng.

Ngân hàng Sacombank khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Hồng Th trả số tiền nợ 47.410.106 đồng, trong đó vốn gốc là 41.764.556 đồng, lãi trong hạn 3.763.700 đồng, lãi quá hạn 1.881.850 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 20/5/2023 cho đến khi trả xong nợ.

* *Đối với bà Nguyễn Hồng Th*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nhưng bà Th không có ý kiến gì và không tham gia hòa giải, xét xử tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Lâm Minh Thành có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà Nguyễn Hồng Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung khởi kiện: Theo đơn khởi kiện Ngân hàng xác định ngày hợp đồng là 29/12/2020 là chưa phù hợp với giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng do Ngân hàng đã cung cấp ngày 28/12/2020 (BL 25 đến 28) , cho nên xác định hợp đồng giữa Ngân hàng và bà Th là ngày 28/12/2020. Và theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng này thể hiện hạn mức tín dụng thẻ Ngân hàng phát hành cho bà Th sử dụng là 40.000.000 đồng. Sau khi bà Th không thanh toán nợ thẻ tín dụng, Ngân hàng đã có biên bản làm việc và thư nhắc nợ nhưng bà Th tiếp tục không thanh toán (BL 12, 13); quá trình giải quyết vụ án, bà Th không phản đối yêu cầu khởi kiện và các vấn đề này. Do đó, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét đề nghị trả vốn, lãi đến ngày xét xử sơ thẩm của Ngân hàng thấy rằng: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng của bà Th có nội dung thỏa thuận phù hợp với các điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự và điểm d khoản 3 Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng. Tính đến ngày 19/5/2023 bà Th sử dụng thẻ tín dụng và nợ tổng số tiền 47.410.106 đồng, trong đó vốn gốc là 41.764.556 đồng, lãi trong hạn 3.763.700 đồng, lãi quá hạn 1.881.850 đồng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Th phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền nêu trên là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu trả tiền lãi phát sinh từ ngày 19/5/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng của Ngân hàng, thấy rằng:

Theo Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, thể hiện: "*…kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay"*. Do đại diện của Ngân hàng có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, nên ngày tính lãi suất tiếp theo được tính theo bản tự khai ngày 19/5/2023 của Ngân hàng. Tuy nhiên, Ngân hàng yêu cầu tính lãi tiếp theo từ ngày 19/5/2023 là chưa đúng, mà tính lãi tiếp theo là ngày 20/5/2023 là phù hợp.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Th phải chịu số tiền là 2.370.505 đồng (47.410.106 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự; điểm d khoản 3 Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng; Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S G Th T. Buộc bà Nguyễn Hồng Th phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S G Th T – Chi nhánh Cà Mau – Phòng giao dịch huyện Đ D số tiền vốn và lãi tính đến ngày 19/5/2023 là 47.410.106 đồng (bốn mươi bảy triệu bốn trăm mười nghìn một trăm lẻ sáu đồng). Trong đó, trong đó vốn gốc là 41.764.556 đồng, lãi trong hạn 3.763.700 đồng, lãi quá hạn 1.881.850 đồng.

Ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày 19/5/2023, thì kể từ ngày tiếp theo là ngày 20/5/2023 khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi

suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Nguyễn Hồng Th phải chịu 2.370.505 đồng (hai triệu ba trăm bảy mươi nghìn năm trăm lẻ năm đồng), (chưa nộp).

2.2. Ngân hàng Thương mại cổ phần S G Th T không phải chịu. Hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền đã nộp tạm ứng là 1.045.000 đồng (một triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013858 ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ D.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viển kiểm sát nhân dân huyện Đ D;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ D;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Trúc